



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU  
ALUMINIUM WEAR COMPOUND RESIN**

**PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp**

**Nhận dạng sản phẩm**

**Tên sản phẩm** ALUMINIUM WEAR COMPOUND RESIN

**Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên**

**Mục đích sử dụng đã được xác định** Keo.

**Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu**

**Nhà cung cấp**

ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
mail@itwpp.com

**Số điện thoại khẩn cấp**

**Số điện thoại khẩn cấp** +44(0)1235 239 670 (24h)

**PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại**

**Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

**Nguy hại vật chất** Không xếp loại

**Nguy hại về sức khỏe** Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm da loại 1 - H317

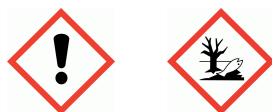
**Nguy hại về môi trường** Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

**Sức khỏe con người**

Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

**Thành phần nhân**

**Hình đồ**



**Từ cảnh báo**

Cảnh báo

**Câu cảnh báo nguy cơ**

H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

## ALUMINIUM WEAR COMPOUND RESIN

<b>Câu phòng ngừa</b>	P273 Tránh thải ra môi trường. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.
<b>Thông tin nhãn bổ sung</b>	EUH205 Chứa thành phần epoxy. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
<b>Bao gồm</b>	EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 )

### Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

### PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

#### Hỗn hợp

<b>EPOXY RESIN (Number average MW &lt;= 700 )</b>	<b>10-30%</b>
Số CAS: 25068-38-6	
<b>Phân loại</b>	
Kích ứng da loại 2 - H315	
Kích ứng mắt loại 2A - H319	
Mẩn cảm da loại 1 - H317	
Mẩn tính thủy sinh loại 2 - H411	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu

<b>Thông tin chung</b>	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
<b>Sự ăn phải</b>	Rửa sạch miệng với nước. Không cố nôn ra. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

#### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

<b>Thông tin chung</b>	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

#### Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

<b>Ghi chú cho bác sĩ</b>	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

### PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

## ALUMINIUM WEAR COMPOUND RESIN

### Cách chữa cháy

**Cách chữa cháy phù hợp** Đập lửa với bột, cacbon dioxit hoặc bột khô.

### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

**Những nguy hại cụ thể** Khí hoặc hơi gây kích ứng.

### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

**Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy** Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Keep up-wind to avoid fumes. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.

**Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa** Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

## PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

**Những cảnh báo cho cá nhân** Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

### Các cảnh báo về môi trường

**Những cảnh báo về môi trường** Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

**Các phương pháp lau dọn** Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

### Tham khảo cho các phần khác

**Tham khảo cho các phần khác** Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

## PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

**Những lưu ý khi sử dụng** Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Open drum carefully as content may be under pressure. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

**Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

**(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

## PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

**Chú thích thành phần** Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

### Quản lý phơi nhiễm

## ALUMINIUM WEAR COMPOUND RESIN

### Thiết bị bảo hộ



#### Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

#### Bảo hộ mắt/mặt

Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Trừ khi việc đánh giá cho thấy cần một mức độ bảo vệ cao hơn, nên đeo thiết bị bảo vệ sau đây: Kính bảo hộ bó sát. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

#### Bảo hộ tay

Use protective gloves. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su butyl. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thấm thấu ít nhất 8 giờ.

#### Bảo hộ khác cho da và cơ thể

Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

#### Các biện pháp về vệ sinh

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Sử dụng kem dưỡng da thích hợp để tránh làm khô da. Rửa ngay lập tức với xà phòng và nước nếu da vừa bị nhiễm hóa chất. Cởi bỏ ngay lập tức quần áo vừa bị ướt hoặc nhiễm hóa chất. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.

#### Bảo hộ cho hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

### PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Bột nhão.
Màu sắc	Tối. Xám.
Mùi đặc trưng	Mùi nhẹ.
Độ pH	pH (dung dịch pha loãng): 7-5%
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>260°C @
Điểm chớp cháy	>204°C PMCC (Cốc kín Pensky-Martens)
Tỷ lệ hóa hơi	<<1 (Butyl acetate=1)
Áp suất hơi	0.03mmHg @ °C
Tỷ trọng hơi	>1
Tỷ trọng tương đối	2.1 @ °C
Thông tin khác	Không có.

### PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.

## ALUMINIUM WEAR COMPOUND RESIN

<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Axit mạnh. Chất oxy hóa mạnh.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Andehyt. Axit.

### PHẦN 11: Thông tin về độc tính

#### Thông tin về tác động của độc tính

<b>Tiếp xúc với da</b>	Gây kích ứng da. Tiếp xúc kéo dài có thể gây mẩn đỏ, kích ứng và khô da. Có thể gây mẩn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẩn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẩn cảm.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng cho mắt.
<b>Nguy hại sức khỏe cấp tính và mẩn tính</b>	Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẩn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẩn cảm.
<b>Đường vào cơ thể</b>	Qua đường thở Ingestion.

### PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

<b>Độc tính môi sinh</b>	Avoid release to the environment. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
<b>Độc tính</b>	Very toxic to aquatic organisms.
<b><u>Độ bền vững và độ phân hủy</u></b>	
<b>Độ bền và độ phân hủy</b>	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<b><u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u></b>	
<b>Khả năng tích lũy sinh học</b>	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<b><u>Tính di động trong đất</u></b>	
<b>Tính di động</b>	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.
<b><u>Các tác động có hại khác</u></b>	
<b>Các tác động có hại khác</b>	Không có.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

<b>Thông tin chung</b>	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
<b>Các phương pháp thải bỏ</b>	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
<b>Nhóm chất thải</b>	08 04 99

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

<b>Chung</b>	Các quy định quốc tế về việc vận chuyển hàng nguy hiểm không bao gồm sản phẩm này (IMDG, IATA, đường bộ/đường sắt).
--------------	---

#### SỐ UN

## ALUMINIUM WEAR COMPOUND RESIN

Không áp dụng.

### Tên vận chuyển chuẩn UN

Không áp dụng.

### Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

#### **Nhãn vận chuyển**

Không có dấu hiệu cảnh báo vận chuyển nào được yêu cầu.

#### **Nhóm đóng gói**

Không áp dụng.

#### **Các nguy hại về môi trường**

#### **Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh**

Không.

#### **Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng**

Không áp dụng.

**Vận chuyển số lượng lớn theo** Không áp dụng.

**Phụ lục II của MARPOL 73/78**

**và mã IBC**

### **PHẦN 15: Thông tin luật định**

### **PHẦN 16: Thông tin khác**

**Ngày sửa đổi** 03/04/2018

**Sửa đổi** 13

**Ngày thay thế** 27/04/2016

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ** H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.